

**Câu 1: Thế nào là hình thái và mô hình văn hóa?**

Theo cách nhìn truyền thống, văn hóa có hai phần rất đơn giản là văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Cấu trúc này mới là cấu trúc cơ sở, đơn giản, tuy không sai nhưng không thấy hết được sự phong phú và phức tạp của hệ thống văn hóa

Mỗi nền văn hóa đều là tài sản của một cộng đồng người nhất định – một chủ thể của văn hóa. Trong quá trình tồn tại và phát triển, cộng đồng người – chủ thể văn hóa đó luôn có nhu cầu tìm hiểu và vì vậy, đã tích lũy được một kho tàng kinh nghiệm và tri thức phong phú về vũ trụ và con người. Mọi hệ thống văn hóa đều có quan hệ với môi trường xã hội. Vì vậy, giữa văn hóa và môi trường xã hội có sự gắn kết sâu sắc. Đó là những vấn đề có liên quan đến tổ chức xã hội vĩ mô như tổ chức nông thôn, quốc gia, đô thị và những vấn đề có liên quan đến đời sống cá nhân như tín ngưỡng, phong tục, tập quán, đạo đức, sự giao tiếp, ứng xử, nghệ thuật v.v... Mỗi quan hệ thứ hai là quan hệ giữa văn hóa và môi trường tự nhiên (thiên nhiên, khí hậu, vấn đề bản năng v.v...). Với mỗi loại môi trường đều có hai cách xử thế phù hợp với hai loại tác động của chúng: tận dụng môi trường (tác động tích cực) và đối phó với môi trường tự nhiên, có thể tận dụng để ăn uống và giữ gìn sức khỏe, để mặc và làm đẹp con người, để tạo ra các vật dụng hàng ngày... Nhưng đồng thời phải đối phó với thiên tai (trị thủy), với khoảng cách (giao thông), với khí hậu và thời tiết (nhà cửa, kiến trúc)...

**Câu 2: Có mấy loại hình văn hóa cơ bản?**

Văn hóa nông nghiệp lo tạo dựng một cuộc sống ổn định, lâu dài, không xáo trộn, mang tính chất trọng tĩnh.

Văn hóa du mục lo tổ chức làm sao để có thể thường xuyên di chuyển một cách gọn gàng, nhanh chóng, thuận tiện mang tính chất trọng động.

**Câu 3: Liệt kê các thành tố văn hóa theo thứ tự ?**

1. Nghệ thuật tạo hình
2. Lối sống
3. Nhiếp ảnh, điện ảnh
4. Văn chương
5. Mass media
6. Thông tin, tín hiệu
7. Kiến trúc
8. Nghệ thuật trình diễn
9. Ngôn ngữ
10. Nghề thủ công
11. Sân khấu tuồng, chèo, kịch
12. Lễ hội
13. Nghệ thuật âm thanh
14. Phong tục tập quán

## 15. Tín ngưỡng, tôn giáo

### Câu 4: Trình bày thành tố Văn hóa "Ngôn Ngữ"?

Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu. Hiểu theo nghĩa rộng, ngôn ngữ là một thành tố văn hóa nhưng là một thành tố chi phối nhiều đến các thành tố văn hóa khác, mặc dù, ngôn ngữ là hiện thực trực tiếp của tư tưởng "về mặt hình thành, ngôn ngữ và văn hóa đều là những thiết chế xã hội mang tính ước định".

Trong tiến trình phát triển, tiếng Việt còn có sự tiếp xúc với các ngôn ngữ ở Trung Quốc. Không kể sự tiếp xúc giữa người Lạc Việt và các bộ tộc Bách Việt ở phía nam sông Dương Tử trở xuống, thời tiền sử, sự tiếp xúc giữa tiếng Việt và tiếng Hán diễn ra trước và trong thời Bắc thuộc. Sự tiếp xúc này đã đem lại sự thay đổi cho tiếng Việt.

Cuộc tiếp xúc lớn thứ hai là cuộc tiếp xúc giữa tiếng Việt và tiếng Pháp. Thực dân Pháp cưỡng bức đặt tiếng Pháp vào địa vị có ưu thế cho tiếng Pháp. Người Việt lại vay mượn những từ của tiếng Pháp, sao phỏng ngữ pháp của tiếng Pháp. Tiếng Việt giai đoạn này vừa giữ bản sắc của mình vừa biến đổi nhanh chóng, chuẩn bị cho sự phát triển ở giai đoạn sau.

Từ năm 1945 đến nay, tiếng Việt được sử dụng trong mọi mặt của đời sống xã hội. Nó có một vị thế xứng đáng, được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm tạo điều kiện cho phát triển cùng với ngôn ngữ của các dân tộc ít người ở Việt Nam.

Mặt khác, trong sự phát triển của văn hóa, ngôn ngữ bao giờ cũng là một công cụ, một phương tiện có tác động nhạy cảm nhất. Lịch sử phát triển của tiếng Việt đã có nhiều minh chứng cho vấn đề này.

### Câu 5: Kể tên các loại Tôn Giáo ở Việt Nam?

Nho Giáo

Phật Giáo

Đạo Giáo

Kito Giáo

### Câu 6: Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết Phật giáo ?

Nội dung cơ bản của học thuyết Phật giáo là thuyết thập nhị nhân duyên. Nhân là nguyên nhân gây ra sự vật. Duyên là những mối quan hệ, những điều kiện, những ảnh hưởng chung quanh giúp cho nhân phát khởi vận hành. Đạo Phật khái quát lại thành 12 nhân duyên. Đó là một chuỗi liên tục các nguyên nhân giam hãm con người trong vòng sinh tử luân hồi.

Như vậy, đặc điểm nổi bật của Phật giáo nguyên thủy là không chấp nhận thần linh, chủ trương vô thần nhưng là duy tâm chủ quan.

### Câu 7 : Tín Ngưỡng phồn thực là gì ?

Tín ngưỡng phồn thực là khát vọng cầu mong sự sinh sôi nảy nở của con người và tạo vật, lấy các biểu tượng về sinh thực khí và hành vi giao phối làm đối tượng. Tín ngưỡng này có mặt rất sớm trong cơ tầng văn hóa Đông Nam Á cổ đại nhưng có sự biến thiên khác nhau giữa các vùng, do sự ảnh hưởng của văn hóa Hán nhiều hay ít.

Với người Việt, dấu vết của tín ngưỡng phồn thực còn lại cho chúng ta thấy nó từng có mặt từ nơi xa xưa. Tượng linga, yoni bằng đất nung tìm thấy ở di tích Mã Đổng (Hà Tây), tượng người bằng đá có linga to quá cỡ ở Văn Điển, tượng nam nữ giao hợp trên nắp thạp đồng Đào Thịnh v.v..., chính là bằng chứng cho thấy sự gắn bó của tín ngưỡng này từ thời xa xưa với cư dân nơi đây.

#### **Câu 8: Tín ngưỡng thờ Thành Hoàng là gì?**

Là một từ Hán, thành hoàng có nghĩa gốc ban đầu là hào bao quanh thành, nếu hào có nước sẽ gọi là trì (thành trì). Thành hoàng làng là vị thần bảo trợ một thành quách cụ thể. Tục thờ vị thần bảo trợ thành quách – tức thần thành hoàng đã có ở Trung Quốc từ xưa, nói như Phan Kế Bính trong Việt Nam phong tục là có từ thời Tam Quốc

Trong khi đó, thành hoàng được phụng thờ ở các làng quê lại là một dòng chảy khác của tín ngưỡng thờ thành hoàng làng. Với người dân ở cộng đồng làng xã, vị thần thành hoàng làng được coi như một vị thánh. Mỗi làng quê có một vị thánh của mình: trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ.

#### **Câu 9 : Chức năng chính của Văn Hóa là gì ?**

Chức năng chính của văn hóa là chức năng giáo dục.

Để thực hiện chức năng này, văn hóa có các chức năng khác như:

Chức năng nhận thức

Chức năng định hướng đánh giá, xác định chuẩn mực điều chỉnh cách ứng xử của con người.

Chức năng giao tiếp

Chức năng đảm bảo tính kế tục lịch sử.

Một số thành tố của văn hóa còn có cả chức năng riêng của nó. Chẳng hạn nghệ thuật, thể thao, trò chơi, hội hè v.v... có chức năng giải trí, hoặc nghệ thuật có chức năng thẩm mỹ.

#### **Câu 10: Nội dung chính của văn hóa sản xuất ?**

Nhìn từ góc độ lao động sản xuất – nền tảng sự sống của cộng đồng, chúng ta thấy một vấn đề bao trùm là sự hiện diện ở Việt Nam của một nền văn minh nông nghiệp xóm làng với không gian định hình sinh tồn và phát triển của nó là miền đồng bằng sông nước tựa núi và tiếp biển. Không gian sinh tồn cụ thể và độc đáo này đã đào luyện nên tâm lí hóa thân vào đồng đất và mở rộng bờ cõi với hướng chạy dọc theo các đồng bằng ven biển.

Mô hình sản xuất này được sinh ra và thích hợp đối với nền kinh tế tự cung tự cấp, lấy sản xuất nông nghiệp làm nền tảng. Truyền thống này được hình thành đã lâu, nhưng nó vẫn còn thích hợp cho sự phát triển kinh tế ở nông thôn nước ta ngày nay, nó tận dụng được thời gian và sức lao động dư thừa, nâng cao mức sống của các hộ nông dân thuần túy.

#### **Câu 11 : Tại sao nói : "Con Người là Chủ / Khách thể của Văn Hóa" ?**

Một trong những khía cạnh cần xem xét của vấn đề là quan hệ giữa con người và văn hóa.

Mối quan hệ này được bộc lộ ra ở ba khía cạnh quan trọng:

Con người với tư cách là chủ thể sáng tạo của văn hóa,

Con người cũng là sản phẩm của văn hóa,

Con người cũng là đại biểu mang giá trị văn hóa do con người sáng tạo ra.

Như vậy, con người vừa là chủ thể nhưng vừa là khách thể của văn hóa. Có nhìn nhận văn hóa như một chỉnh thể thống nhất, chúng ta mới lí giải được mối quan hệ hữu cơ giữa con người với xã hội, giữa con người với tự nhiên. Trong những mối quan hệ ấy, con người là chủ thể, là trung tâm, như mô hình sau:

Thế nhưng, từ trước đến nay cả ba thành tố trong mô hình này, không phải đã được mọi người, mọi thời nhìn nhận một cách nhất quán.

### **Câu 12: Khái niệm về Văn Hóa ? Khái niệm Văn hóa theo từng chu kì ?**

Văn hóa là sản phẩm do con người sáng tạo, có từ thuở bình minh của xã hội loài người.

Vào thế kỉ XIX thuật ngữ “văn hóa” được những nhà nhân loại học phương Tây sử dụng như một danh từ chính. Những học giả này cho rằng văn hóa (văn minh) thế giới có thể phân loại ra từ trình độ thấp nhất đến cao nhất, và văn hóa của họ chiếm vị trí cao nhất. Bởi vì họ cho rằng bản chất văn hóa hướng về trí lực và sự vươn lên, sự phát triển tạo thành văn minh, E.B. Taylo (E.B. Taylor) là đại diện của họ. Theo ông, văn hóa là toàn bộ phức thể bao gồm hiểu biết, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục, những khả năng và tập quán khác mà con người có được với tư cách là một thành viên của xã hội.

Ở thế kỉ XX, khái niệm “văn hóa” thay đổi theo F.Boas (F.Boas), ý nghĩa văn hóa được quy định do khung giải thích riêng chứ không phải bắt nguồn từ cứ liệu cao siêu như “trí lực”, vì thế sự khác nhau về mặt văn hóa từng dân tộc cũng không phải theo tiêu chuẩn trí lực. Đó cũng là “tương đối luận của văn hóa”. Văn hóa không xét ở mức độ thấp cao mà ở góc độ khác biệt.

A.L. Kroiơơ (A L Kroeber) và C.L. Klúchôn (C L Kluckhohn) quan niệm văn hóa là loại hành vi rõ ràng và ám thị đã được đúc kết và truyền lại bằng biểu tượng, và nó hình thành quả độc đáo của nhân loại khác với các loại hình khác, trong đó bao gồm cả đồ tạo tác do con người làm ra.

### **Câu 13: Khái niệm về Văn Minh ?**

Văn minh là danh từ Hán – Việt (văn là vẻ đẹp, minh là sáng), chỉ tia sáng của đạo đức, biểu hiện ở chính trị, pháp luật, văn học, nghệ thuật. Trong tiếng Anh, Pháp, từ civilisation với nội hàm nghĩa văn minh, có từ căn gốc La tinh là civitas với nghĩa gốc: đô thị, thành phố, và các nghĩa phái sinh: thị dân, công dân.

W. Đuran (W. Durrant) sử dụng khái niệm văn minh để chỉ sự sáng tạo văn hóa, nhờ một trật tự xã hội gây ra và kích thích. Văn minh được dùng theo nghĩa tổ chức xã hội, tổ chức luân lí và hoạt động văn hóa.

Văn minh trong tiếng Đức là để chỉ các xã hội đã đạt được tới giai đoạn tổ chức đô thị và chữ viết.

Theo F. Ăngghen, văn minh là chính trị khoanh văn hóa lại và sợi dây liên kết văn minh là Nhà nước. Như vậy khái niệm văn minh thường bao hàm bốn yếu tố cơ bản: đô thị, nhà nước chữ viết, các biện pháp kĩ thuật cải thiện, xếp đặt hợp lí, tiện lợi cho cuộc sống của con người.

### **Câu 14: Khái niệm về Văn Hiến ?**

Có thể hiểu văn hiến là văn hóa theo cách dùng, cách hiểu trong lịch sử. Từ đời Lý (1010) người Việt đã tự hào nước mình là một “văn hiến chi bang”. Đến đời Lê (thế kỉ XV) Nguyễn Trãi viết “Duy ngã Đại Việt chi quốc thực vi văn hiến chi bang” – (Duy nước Đại Việt ta thực sự là một nước văn hiến). Từ văn hiến mà

Nguyễn Trãi dùng ở đây là một khái niệm rộng chỉ một nền văn hóa cao, trong đó nếp sống tinh thần, đạo đức được chú trọng.

Văn hiến (hiến= hiền tài)– truyền thống văn hóa lâu đời và tốt đẹp. GS. Đào Duy Anh khi giải thích từ “văn hiến” khẳng định: “là sách vở” và nhân vật tốt trong một đời. Nói cách khác văn là văn hóa, hiến là hiền tài, như vậy văn hiến thiên về những giá trị tinh thần do những người có tài đức chuyên tài, thể hiện tính dân tộc, tính lịch sử rõ rệt.

### **Câu 15: Định nghĩa Văn Hóa theo UNESCO ?**

Văn hóa là sản phẩm của loài người, văn hóa được tạo ra và phát triển trong quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Song, chính văn hóa lại tham gia vào việc tạo nên con người, và duy trì sự bền vững và trật tự xã hội. Văn hóa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua quá trình xã hội hóa. Văn hóa được tái tạo và phát triển trong quá trình hành động và tương tác xã hội của con người. Văn hóa là trình độ phát triển của con người và của xã hội được biểu hiện trong các kiểu và hình thức tổ chức đời sống và hành động của con người cũng như trong giá trị vật chất và tinh thần mà do con người tạo ra.

Theo quan niệm của UNESCO có 2 loại di sản văn hóa:

Một là, những di sản văn hóa hữu thể (Tangible) như đình, đền, chùa, miếu, lăng, mộ, nhà sàn v.v...

Hai là, những di sản văn hóa vô hình (Intangible) bao gồm các biểu hiện tượng trưng và “không sờ thấy được” của văn hóa được lưu truyền và biến đổi qua thời gian, với một số quá trình tái tạo, “trùng tu” của cộng đồng rộng rãi... Những di sản văn hóa tạm gọi là vô hình này theo UNESCO bao gồm cả âm nhạc, múa, truyền thống, văn chương truyền miệng, ngôn ngữ, huyền thoại, tư thế (tư thái), nghi thức, phong tục, tập quán, y dược cổ truyền, việc nấu ăn và các món ăn, lễ hội, bí quyết và quy trình công nghệ của các nghề truyền thống...

### **Câu 16: Thế nào là môi trường tự nhiên? Môi trường nhân tạo. Đặc điểm hệ sinh thái Việt Nam?**

Môi trường tự nhiên là một bộ phận trong “môi trường lớn”, là tổng thể các nhân tố tự nhiên xung quanh chúng ta như bầu khí quyển, nước, thực vật, động vật, thổ nhưỡng, nham thạch, khoáng sản, bức xạ mặt trời...v.v.

Môi trường nhân tác/tạo là hệ thống môi trường được tạo ra do con người lợi dụng tự nhiên, cải tạo tự nhiên. Vì môi trường nhân tác–tạo được sáng tạo và phát triển trên cơ sở môi trường tự nhiên, bởi vậy môi trường nhân tác–tạo bị môi trường tự nhiên chi phối và ngược lại nó cũng ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên.

### **Câu 17: Xã hội là gì? Những nguyên lí tổ chức xã hội?**

Xã hội là toàn bộ những nhóm người, những tập đoàn, những lĩnh vực hoạt động, những yếu tố hợp thành một tổ chức được điều khiển bằng những thể chế nhất định. Theo C.Mác, trong tính hiện thực của nó, con người là tổng hòa các quan hệ xã hội. Xã hội được hiểu như những cơ cấu và những chức năng. Cơ cấu thể hiện các tương quan giữa các thành phần tạo nên xã hội, những tầng lớp, những giai cấp, những nhóm người. Chức năng thể hiện các hoạt động đáp ứng nhu cầu của xã hội, các hoạt động ấy nằm trong một hệ thống. Xã hội thay đổi – thay đổi về cơ cấu và chức năng.

Những nguyên lí tổ chức Xã hội :

Nguyên lí cùng cội nguồn hay nguyên lí cùng dòng máu

Nguyên lí cùng lợi ích

Nguyên lí cùng chỗ

### **Câu 18: Thế nào là nhập thân văn hóa và xã hội hóa cá nhân?**

Con người – sinh vật xã hội ngoài di truyền sinh học (như mọi loài của thế giới sinh vật) còn thừa hưởng một loại di truyền khác – đó là di truyền văn hóa thông qua giáo dục (giáo dục hiểu theo nghĩa rộng là sự truyền đạt văn hóa ngoài nhà trường và trong nhà trường). Trong trường hợp này, gia đình là môi trường văn hóa đầu tiên để cá thể người tiếp nhận văn hóa của cộng đồng. Con người nhập thân văn hóa trước hết ngay từ khi còn trong bào thai mẹ. Ở Việt Nam việc giáo dục con trẻ từ trong trứng nước là di truyền truyền thống văn hóa lâu đời và tốt đẹp. Những điều kiêng cử, cấm kỵ đối với phụ nữ mang thai đều nhằm mục đích tạo cho đứa trẻ một môi trường văn hóa lành mạnh và trong sáng. Ngay từ thế kỉ XVI ở Việt Nam đã có sách về Thai giáo (của bà ngoại chúa Trịnh Tráng).

Đứa trẻ vừa sinh ra đã được sống và cảm thụ, hội nhập văn hóa trước hết là ở gia đình, rồi sau đó ở gia đình mở rộng, làng xóm... Việt Nam có câu “Cha mẹ sinh con, trời sinh tính”. “Tính” có mặt bẩm sinh. Tính cách con người được hình thành rất sớm. Vì vậy tổ tiên ông bà người Việt rất coi trọng việc giáo dục văn hóa. “Dạy con từ thủa còn thơ”. Gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và trong việc truyền đạt các giá trị văn hóa: “Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà”.

Như vậy bối cảnh môi sinh gia đình – tộc họ – xóm làng là nơi con người nhập thân văn hóa xã hội hóa cá nhân đầu tiên

### **Câu 19: Nêu những hiểu biết của anh (chị) về gia đình và làng của người Việt?**

Gia đình

Gia đình người Việt, trong đại đa số trường hợp (theo số liệu điều tra từ 2/3 đến 3/4) là gia đình hạt nhân (bố mẹ và con cái chưa trưởng thành). Ngoài ra còn có hình thức gia đình nhỏ (bố mẹ và gia đình một con trai, thường là con trai trưởng).

Tuy vậy trong từng làng, một “gia đình nhỏ” chỉ là thiểu số bên cạnh rất nhiều gia đình hạt nhân

Làng

Làng là một đơn vị cộng cư có một vùng đất chung của cư dân nông nghiệp, một hình thức tổ chức xã hội nông nghiệp tiểu nông tự cấp tự túc, mặt khác là mẫu hình xã hội phù hợp, là cơ chế thích ứng với sản xuất tiểu nông, với gia đình – tông tộc gia trưởng, đảm bảo sự cân bằng và bền vững của xã hội nông nghiệp ấy. Làng được hình thành, được tổ chức chủ yếu dựa vào hai nguyên lí cộng đồng và cùng chỗ.

### **Câu 20 : Biến đổi xã hội và biến đổi văn hóa ở Việt Nam hiện nay ?**

Một trong những đặc trưng của văn hóa Việt Nam là tính phong phú đa dạng trong một chỉnh thể văn hóa thống nhất nền tảng là truyền thống Việt. Văn hóa Việt Nam có nhiều yếu tố nội sinh mà cũng có không ít yếu tố ngoại sinh, từ bốn phương trời Đông Á, Nam Á, Thái Bình Dương Nam Đảo, Âu Tây gửi đến và dần dà được hội nhập vào văn hóa Việt Nam. Văn hóa Việt Nam từ thời tiền sử cho tới giai đoạn công nghiệp hiện đại đã trải qua nhiều biến đổi, song sắc thái đặc thù của văn hóa Việt Nam là sự hỗn dung văn hóa.

Những biến đổi văn hóa ấy mà đúng hơn là sự ứng biến (thích ứng và biến đổi) của văn hóa Việt Nam thể hiện rất rõ tâm thức Việt – là sự khoan hòa. Hay bản lĩnh văn hóa Việt Nam, theo J. Feray, là sự “không chối từ” về văn hóa trong việc hấp thụ các yếu tố ngoại sinh.

Những biến đổi văn hóa từng thời kì, từng giai đoạn dù mang những tốc độ, sắc thái khác nhau thì vẫn có một mặt bằng văn hóa chung cho mọi thời đại văn hóa – văn minh. Đó là Nông dân – Nông nghiệp và Xóm làng.

### **Câu 21 : Trình bày : Giao lưu và tiếp biến trong giai đoạn hiện nay?**

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, việc giao lưu và tiếp biến văn hóa có sự thay đổi rất rõ nét so với các giai đoạn trước. Với quan điểm mà đồng chí Đỗ Mười đã tuyên bố tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng cộng sản Việt Nam: Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước, hoàn cảnh lịch sử của giao lưu và tiếp biến văn hóa đã thay đổi về nhiều phương diện:

Thứ nhất sự tiến bộ của các ngành khoa học kỹ thuật, đặc biệt là sự bùng nổ của công nghệ thông tin khiến cho văn hóa, các sản phẩm văn hóa càng đa dạng và phong phú. Nói khác đi giao lưu và tiếp biến văn hóa là giao lưu tiếp biến văn hóa ở thời đại tin học. Lịch sử hôm nay có những hình thức sản phẩm giao lưu mà trước kia chưa hề có, phương tiện giao lưu văn hóa lại đa dạng, phong phú.

Thứ hai, công cuộc đổi mới và mở cửa hôm nay hoàn toàn do dân tộc Việt Nam chủ động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam khiến cho việc giao lưu văn hóa là hoàn toàn tự nguyện, chủ động, không hề bị áp đặt hay cưỡng bức.

### **Câu 22: Thế nào là tiếp xúc văn hóa?**

Giao lưu văn hóa là sự vận động thường xuyên của xã hội, gắn bó với tiến hóa xã hội nhưng cũng gắn bó với sự phát triển của văn hóa, là sự vận động thường xuyên của văn hóa.

### **Câu 23: Đặc điểm tự nhiên và xã hội của vùng Văn hóa Tây Bắc ?**

Tây Bắc, một vùng văn hóa, xứ sở hoa ban, quê hương xòe họa, miền đất dịu ngọt của những thiên tình sử Tiễn dặn người yêu nhưng cũng tràn đầy tiếng than thở của những thân phận người Tiếng hát làm dâu.

Tây Bắc là một miền núi cao hiểm trở. Các dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, trong đó có dãy Hoàng Liên Sơn dài đến 180 km, rộng 30 km, cao từ 1500m trở lên, các đỉnh cao nhất như Phanxipăng 3142m, Yam Phình 3096m, Pu Luông 2.983m... Dãy Hoàng Liên Sơn, được người Thái gọi là “Sừng trời” (Khaupha), chính là bức tường thành phía Đông và vùng Tây Bắc. Nó nằm trên bờ phải sông Hồng, con sông mà tổ tiên người Thái gọi là Nặm Tao, nên ngày nay đoạn sông này còn có tên tiếng Kinh là sông Thao. Dòng Nặm Tao chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử thiên di của người Thái đen vào Tây Bắc. Theo sử huyền thoại Thái thì tổ tiên họ là Tào Xuông – Tào Ngần bay từ trên trời xuống và phải vượt qua con sông rộng, lắm sóng dữ, ghềnh thác.

Qua con sông là đến địa phận của trần gian. Khó khăn là thế nên tên thần thoại của dòng Nặm Tao là dòng “Sông Đấng – Sông Xối” (Nặm Ta Khôm – Nặm Ta Khái). Còn theo các nhà dân tộc học thì dòng sông là con đường mà theo đó tổ tiên người Thái thiên di vào Việt Nam từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV. Từ dòng Nặm Tao, người Thái tạt vào bên phải, chiếm lấy đất Nghĩa Lộ làm bàn đạp để rồi tiến mãi đến tận Điện Biên Phủ, giáp Lào. Đất ấy, tên Thái là Mưong Theng tức Mưong Trời và trở thành “cổ đô” của nhiều đời tù trưởng.

Từ dưới xuôi đi lên phải qua đất tỉnh Hòa Bình, xưa kia phải vượt sông Đà ở bến chợ Bờ và Suối Rút, rồi phải leo gần 100km đèo mới đến được cao nguyên Mộc Châu, cao 800–1000m.

### **Câu 24: Đặc điểm vùng văn hóa Tây Bắc ?**

Từ mười thế kỉ trở lại đây, với vai trò chủ thể trong lịch sử phát triển của vùng, văn hóa Thái (với những yếu tố tiếp biến từ văn hóa Đông Nam Á) nổi lên như một sắc thái đại diện cho văn hóa Tây Bắc.

Trước hết xin bắt đầu từ văn hóa “đời thường”. Từ cao nguyên Mộc Châu xuôi xuống thung lũng Yên Châu ở phía Bắc là đã bắt gặp những ngôi nhà sàn ẩn hiện sau những dãy cây xoài rặng chuối. Nhà sàn thì có ở khắp cả Đông Nam Á. Nhưng nhà sàn Thái có cái mái đầu hồi khum khum hình mai rùa và trên đỉnh đầu hồi ấy có hai vật trang trí, người Thái gọi là “Sừng cuộn” (Khau cút) vì đầu phía trên của nó thường được tạo tác thành một vòng tròn xoáy tròn ốc, giống như ngọn rau đốn (Phắc cút), một thứ rau rừng rất được đồng bào ưa chuộng.

Bản Thái thường nằm ở ven đồi, chân núi, nhìn ra cánh đồng. Ở đây thế nào cũng có ít nhất một dòng suối to nhỏ tùy nơi. Bản nào ở chân núi đá thì hay dùng mạch nước ngầm làm nước ăn, gọi là “Mỏ nước” (Bó nặm). Văn hóa nông nghiệp thung lũng Thái nổi tiếng vì hệ thống tưới tiêu, được gói gọn trong bốn từ văn vần “Mường – Phai – Lái – Lin” lợi dụng độ dốc của dòng chảy, người ta lấy đá ngăn suối làm nước dâng cao, đó là cái “phai”. Phía trên “phai” xê một đường chảy lớn dẫn vào cánh đồng, đó là “mường”.

Các dân tộc trong vùng đều có tín ngưỡng “mọi vật có linh hồn” (animisme), một loại tín ngưỡng mà mọi dân tộc trên hành tinh đều trải qua.

Văn hóa nghệ thuật, lĩnh vực văn hóa thể hiện cái nhìn thẩm mỹ của nhân dân Tây Bắc có nhiều nét độc đáo và trở thành một trong những dấu hiệu làm nên đặc trưng văn hóa vùng. Riêng về lĩnh vực này đã phải cần đến một công trình lớn mới có thể trình bày cho cặn kẽ được

Dường như có một sở thích âm nhạc chung cho hầu hết các dân tộc Tây Bắc, một sở thích không thấy hoặc ít thấy ở các vùng khác. Đó là hệ nhạc cụ hơi có lưỡi gà bằng tre, bằng đồng hay bằng bạc.

### **Câu 25: Đặc điểm tự nhiên và xã hội vùng văn hóa Việt Bắc ?**

Trong tâm thức người dân Việt Nam, Việt Bắc là tên gọi một vùng đất gắn bó với một thời gian khổ mà oanh liệt của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng: là quê hương cách mạng, là chiến khu, là nơi ghi dấu bao chiến công anh hùng của quân dân ta v.v..., như bài thơ Việt Bắc của nhà thơ Tố Hữu đã mô tả.

Năm 1947, danh từ Việt Bắc xuất hiện để chỉ chung vùng căn cứ cách mạng, tháng 10–1954, danh từ này lại được dùng để chỉ chung toàn căn cứ địa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Năm 1956, khu tự trị Việt Bắc được thành lập gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên. Sau này, khu tự trị Việt Bắc giải thể, danh từ này vẫn tồn tại.

Hiện nay, nói tới Việt Bắc là nói tới địa bàn của sáu tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang. Tuy nhiên, ranh giới vùng văn hóa Việt Bắc sẽ rộng hơn địa bàn này

Địa hình Việt Bắc có cấu trúc theo kiểu cánh cung, tụ lại ở Tam Đảo, các cánh cung này mở ra ở phía Bắc và Đông Bắc và phần hướng lõm quay ra biển, thứ tự từ trong ra biển là các cánh cung: sông Gâm, Ngân Sơn, Yên Lạc, Bắc Sơn và Đông Triều. Các dãy núi đều thuộc loại có độ cao trung bình và thấp. Một số núi có độ cao là Tây Côn Lĩnh (2431m), Kiều Liên Ti (2403m) và Pu Ta Ca (2274m).

Toàn vùng có 5 hệ thống sông chính: sông Thao, sông Lô, hệ thống các sông Cầu, sông Thương, Lục Nam

Cư dân chủ yếu của vùng Việt bắc là người Tày và Nùng. Ngoài ra còn có một số dân tộc ít người khác như Dao, H'mông, Lô Lô, Sán Chay.

Đơn vị xã hội nhỏ nhất của người Tày – Nùng là gia đình, lại là gia đình phụ hệ, chủ gia đình “chấn rườn” là người cha hay người chồng, làm chủ toàn bộ tài sản và quyết định mọi công việc trong nhà, ngoài làng. Do vậy, ý thức trọng nam khinh nữ khá đậm trong cộng đồng, sự phân biệt đối xử còn thấy rõ trong việc phân



chia mặt bằng sinh hoạt trong nhà. Nhà ngoài bao giờ cũng dành cho đàn ông. Trừ các bà già, phụ nữ không bao giờ được ở nhà ngoài.

### **Câu 26: Trình bày đặc điểm của văn hóa Việt Nam thời tiền sử.?**

Đây là một giai đoạn dài và có tính chất quyết định; là giai đoạn hình thành; phát triển và định vị của văn hoá Việt Nam. Giai đoạn này có thể được chia làm hai thời kì. Thời tiền sử từ buổi đầu đầu đến cuối thời đại đá mới và thời sơ sử cách đây khoảng trên dưới 4000 năm.

Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á là một trong những chiếc nôi của loài người. Cách đây khoảng 40- 50 vạn năm và đến bây giờ khí hậu Việt Nam mang nặng đặc trưng nhiệt đới nóng ẩm thích hợp cho sự sinh sống của con người. Với những vết tích còn lại; chúng ta biết rằng người vượn (Homo – Erectus) đã có mặt ở nhiều vùng từ Bắc tới Nam. Mở đầu cho giai đoạn tiền sử là Văn hoá núi Đọ (tên di chỉ khảo cổ học thuộc sơ kì thời đại đồ đá cũ phát hiện được ở núi Đọ; thuộc huyện Triệu Hoá; tỉnh Thanh Hoá).

Trên bề mặt Núi Đọ; các nhà khảo cổ học thu nhặt được hàng vạn mảnh ghè (hay mảnh tước như các nhà khảo cổ học thường gọi); có bàn tay gia công của người nguyên thủy. Những công cụ đá này rất thô sơ; chứng tỏ “tay nghề” ghè đẽo còn rất vụng về. Người ta tìm thấy ở đây 8 chiếc rìu tay; loại công cụ được chế tác cẩn thận nhất của người vượn. Sau văn hoá Núi Đọ; các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra di chỉ khảo cổ thuộc hậu kì đá cũ ở Việt Nam. Đó là văn hoá Sơn Vi (xã Sơn Vi; huyện Lâm Thao; tỉnh Phú Thọ).

Thời gian từ 20 đến 15 nghìn năm TCN; con người (người hiện đại- Homo sapiens) đã cư trú trên một địa bàn rất rộng; họ là chủ nhân của nền văn hoá Sơn Vi từ Lào Cai ở phía Bắc đến Bình Trị Thiên ở phía Nam; từ Sơn La ở phía Tây đến vùng sông Lục Nam ở Phía Đông. Người Sơn Vi sống chủ yếu trên các gò đồi của vùng trung du Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Ngoài ra; người Sơn Vi còn sống cả trong các hang động núi đá vôi.

Đây là các bộ lạc săn bắt (bắn); hái lượm; dùng đá cuội để chế tác công cụ. Công cụ còn rất thô sơ song đã có những bước tiến lớn trong kĩ thuật chế tác; đã có nhiều hình loại ổn định. Tiêu biểu cho công cụ của các cư dân Sơn Vi là những hòn đá cuội được ghè đẽo ở hai cạnh. Đa số là công cụ chặt; nạo hay cắt; có loại cắt ngang ở một đầu; có loại có lưỡi dọc ở rìa cạnh; có loại công cụ có lưỡi chạy xung quanh theo rìa tròn của viên cuội; hoặc có lưỡi ở hai đầu.

Dù điều kiện khí hậu thuận lợi cho đời sống con người cộng với sự đa dạng; phong phú của các loài quần động thực vật phương Nam; song vết tích cư trú của loài người thời này chỉ hạn chế ở một số vùng; trên các gò đồi; trong một số hang động vì thời kì này những đồng bằng Bắc Bộ đều đang ở giai đoạn hình thành; chưa thích hợp cho đời sống định cư lâu dài của con người.

Dựa vào kĩ thuật chế tác công cụ của cư dân Sơn Vi; giáo sư Hà Văn Tấn cho rằng họ đã có tư duy phân loại. Tư duy phân loại này thể hiện trong lựa chọn nguyên liệu đá và trong sự đa dạng của các loại hình công cụ. Người nguyên thủy đã biết dùng lửa. Họ chôn người ngay trong nơi cư trú; thức ăn chủ yếu là nhuyễn thể; những cây; những quả; hạt và một số động vật vừa và nhỏ.

Việc chôn người chết trong nơi cư trú nói lên niềm tin của người nguyên thủy về một thế giới khác; mà ở đó người chết vẫn tiếp tục “sống”. Những công cụ lao động được chôn bên cạnh người chết đã chứng tỏ niềm tin ấy.

Trong giai đoạn tiền sử; cách đây khoảng một vạn năm đã có những thay đổi quan trọng; đánh dấu bước tiến mới trong lối sống của con người. Loài người bước vào thời đại đồ đá mới. Thời đại đá mới được đặc trưng bởi những tiến bộ về phương thức sản xuất cũng như kĩ thuật sản xuất. Toàn trái đất trở nên ẩm; ẩm ướt; khí hậu môi trường có những biến đổi lớn; thuận tiện cho sự tồn tại; phát triển của con người; động và thực vật.

Thời kì này con người nhận biết; tận dụng và sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu như đá; đất sét; xương; sừng; tre; gỗ...

Những điều kiện định cư lâu dài và sự phát triển của nông nghiệp đã làm hình thành rõ nét tính địa phương của văn hoá trong những khu vực hẹp vào cuối thời đại đá mới (cách đây khoảng 5000 năm). Thời kì này cũng xuất hiện những tín ngưỡng nguyên thủy. Là cư dân nông nghiệp nên mưa; gió và đặc biệt là mặt trời đã trở thành một trong những thần linh quan trọng đối với con người.

### **Câu 27: Trình bày về các nền văn hóa thời sơ sử ở Việt Nam.?**

Cách đây khoảng 4000 năm; cư dân Việt Nam; từ lưu vực sông Hồng cho đến lưu vực sông Đồng Nai; đã bước vào thời đại kim khí.

Thời kì này trên lãnh thổ Việt Nam tồn tại ba trung tâm văn hoá lớn là Đông Sơn (miền Bắc); Sa Huỳnh (miền Trung) và Đồng Nai (miền Nam).

Văn hoá Đông Sơn (cả giai đoạn tiền Đông Sơn) được coi là cốt lõi của người Việt cổ.

Văn hoá Sa Huỳnh (cả giai đoạn tiền Sa Huỳnh) được coi là tiền nhân tổ của người Chăm và vương quốc Chăm-pa.

Văn hoá Đồng Nai (cả giai đoạn đồng và sắt) lại là một trong những cội nguồn hình thành văn hoá Óc Eo của cư dân thuộc nhóm Mã Lai- Đa Đảo sinh sống vào những thế kỉ sau công nguyên ở vùng Đông và Tây Nam Bộ. Hiện nay; văn hoá Óc Eo thường được gắn với vương quốc Phù Nam; một nhà nước tồn tại từ thế kỉ II đến hết thế kỉ VII ở châu thổ sông Cửu Long.

### **Câu 28: Trình bày bối cảnh văn hóa lịch sử ở Châu thổ Bắc Bộ thời Bắc Thuộc ?**

Vào những thế kỉ cuối của thiên niên kỉ trước công nguyên, nền văn hóa Việt cổ bắt đầu chịu những thử thách ghê gớm. Quốc gia Văn Lang, sau đó là Âu Lạc và dân tộc hầu như vừa mới được xác lập và tồn tại chưa bao lâu đã rơi vào tình trạng bị đô hộ.

Năm 179 trước công nguyên, Triệu Đà vua nước Nam Việt đóng đô ở Phiên Ngung (Quảng Đông, Trung Quốc ngày nay) xâm chiếm nước Âu Lạc, chia Âu Lạc ra thành hai quận: Giao Chỉ và Cửu Chân.

Năm 111 trước công nguyên, nhà Hán chiếm được nước Nam Việt, đổi vùng đất của Âu Lạc, thành châu Giao Chỉ, dưới đó là bảy quận, với chức quan đầu châu là thứ sử, đầu quận là thái thú.

Như vậy có ba đặc trưng cơ bản trong bối cảnh văn hóa – lịch sử giai đoạn này:

Tiếp xúc cưỡng bức và giao thoa văn hóa Việt – Hán.

Giao lưu văn hóa tự nhiên Việt – Ấn.

Giữ gìn, bảo tồn và phát triển bản sắc dân tộc, bản sắc văn hóa bằng cách bảo tồn những giá trị truyền thống đã được định hình và phát triển trong giai đoạn văn hóa Đông Sơn và bằng cách thâm hóa yếu tố văn hóa mới, để chống lại xu hướng đồng hóa văn hóa của vương triều Hán.

### **Câu 29: Anh chị hãy phân tích nội dung Tiếp xúc cưỡng bức và Giao thoa văn hóa Việt - Hán ?**

Cùng với việc xâm chiếm và thôn tính đất đai của người Việt, giai cấp thống trị Hán đã tiến hành những chính sách đồng hóa văn hóa Việt trên mọi phương diện.

Ở lĩnh vực chính trị – xã hội, kẻ thống trị Hán có ý thức di thực mô hình tổ chức chính trị và sinh hoạt xã hội của Trung Hoa sang đất Việt với mục đích thiết lập trên đất này một cơ cấu xã hội, một thể chế chính trị, một phương thức canh tác và một phong tục tập quán giống như Trung Hoa. Đó là các chính sách bắt dân bản xứ học tập như người Hán, ăn mặc, tổ chức xã hội, làm ruộng giống người Hán.

Ở lĩnh vực tư tưởng là sự truyền bá các học thuyết, các tôn giáo của phương Đông, là sự du nhập đạo Nho, đạo Lão – Trang, ... vào Việt Nam.

Sự tiếp xúc cưỡng bức và giao thoa văn hóa Việt - Hán còn để lại dấu ấn trong những lĩnh vực khác như cách ăn, mặc, ở, đi lại phương thức sản xuất, quan hệ xã hội, tiếng nói

### **Câu 30: Trình bày nội dung Giao lưu văn hóa tự nhiên Việt - Ấn ?**

Trong giai đoạn thiên niên kỉ I sau công nguyên này bên cạnh giao lưu với văn hóa Hán, luồng ảnh hưởng của văn hóa phương Nam mà tiêu biểu là văn hóa Ấn Độ đã theo Phật giáo du nhập vào nước ta. Phật giáo từ Ấn Độ truyền bá vào đất Việt và Trung Quốc – rồi từ Trung Quốc truyền dội sang đất nước ta – từ rất sớm, đại để vào một hai thế kỉ đầu công nguyên.

Phật giáo vào nước ta thì nó đã biến dạng khá nhiều, bởi đạo Bàlamôn, bởi những thêm bớt trên đường truyền bá từ Ấn Độ sang các nước láng giềng, sang Trung Quốc và từ Trung Quốc sang đất Việt. Khi vào đất Việt, Phật giáo cũng phải biến hóa cho phù hợp với phong tục tập quán của cư dân bản địa.

Giao Châu ở sát ngay các nước chịu ảnh hưởng văn minh Ấn Độ và sử dụng Phạn ngữ, lại gần gũi với văn minh Trung Hoa và ở đây đã dùng chữ Hán. Giao Châu thuận lợi cả về mặt địa lí và ngôn ngữ văn tự cho sự truyền bá Phật giáo từ Ấn Độ vào Trung Hoa.

Theo sử sách Trung Quốc, bấy giờ Giao Châu, ngoài các chùa thờ Phật, còn nhiều đền thờ khác của tín ngưỡng dân gian Việt Nam bị gán chung là “dâm từ”. Điều đó chứng tỏ tín ngưỡng cổ truyền của người Việt vẫn đậm đà trên đất Giao Châu.

### **Câu 31: Đặc điểm của vùng văn hóa Việt Bắc ?**

Trước tiên là văn hóa vật chất. Người Tày – Nùng có hai loại nhà chính: nhà sàn và nhà đất. Nhà sàn là dạng nhà phổ biến, có hai loại nhà sàn, sàn hai mái và sàn bốn mái. Nếu là nhà sàn bốn mái, hai mái đầu hồi bao giờ cũng thấp hơn hai mái chính. Cửa có thể mở ở mặt trước hoặc đầu hồi, cầu thang lên xuống bằng tre, gỗ, nhưng số bậc bao giờ cũng lẻ, không dùng bậc chẵn.

Nhà đất là loại nhà xuất hiện ngày càng nhiều, nhưng cũng có rất nhiều thay đổi so với ngôi nhà sàn về quy mô, kết cấu, bố cục bên trong.

Ở một số vùng còn có loại nhà nửa sàn nửa đất, đây là một loại nhà đặc biệt, vừa có tính chất nhà đất lại vừa mang tính chất nhà sàn.

Trang phục của người Tày– Nùng có tính thống nhất, được phân biệt theo giới tính, địa vị lứa tuổi, theo nhóm địa phương.

Y phục của nam giới Tày theo một kiểu, gồm có áo cánh 4 thân, áo dài 5 thân, khăn đội đầu và giày vải. Chiếc áo 4 thân được cắt may theo kiểu xẻ ngực, cổ áo tròn, cao, không có cầu vai, tà áo xẻ cao, có hàng cúc vải ở trước ngực, cùng 2 túi.

Người phụ nữ Nùng chỉ mặc một màu chàm, khác với người phụ nữ Tày mặc chiếc áo lót trong màu trắng. Y phục nữ Tày – Nùng gồm có áo cánh, áo dài 5 thân, quần, thắt lưng, khăn đội đầu, hài vải. Đồ trang sức cũng đơn giản

Về mặt ăn uống, tùy theo từng tộc người mà cách thức chế biến thức ăn và khẩu vị của cư dân Việt Bắc có hương vị riêng.

Bữa ăn của cư dân Việt Bắc, mang tính bình đẳng, nhân ái. Tất cả các thành viên trong nhà ăn chung một mâm, khách đến nhà rất được ưu ái, nể trọng.

Điều đáng chú ý là tầng lớp trí thức Tày – Nùng hình thành từ rất sớm. Đầu tiên là các trí thức dân gian dưới lớp vỏ nghề nghiệp như thầy Mo, Then, Tào, Pụt. Trong thời kì tự chủ, triều đình có quan tâm đến việc học hành của cư dân Việt Bắc

Trong đào tạo, bên cạnh chữ Quốc ngữ, một số tộc như Tày, H'mông cũng có chữ viết xây dựng trên cơ sở mẫu chữ La tinh.

Đời sống văn hóa tinh thần của cư dân Việt Bắc có những nét cơ bản giống với các khu vực khác.

Về tín ngưỡng tôn giáo, tín ngưỡng dân gian của cư dân Tày – Nùng hưởng niềm tin của con người tới thần bản mệnh, trời – đất, tổ tiên.

### **Câu 32: Đặc điểm môi trường tự nhiên xã hội của vùng Văn hóa Châu Thổ Bắc Bộ ?**

Môi trường tự nhiên:

Lâu nay, khi xem xét văn hóa ở châu thổ Bắc Bộ, người ta thường đặt xứ Nghệ – Tĩnh ra ngoài và xếp thành một vùng riêng.

Về vị trí địa lí vùng châu thổ Bắc Bộ là tâm điểm của con đường giao lưu quốc tế theo hai trục chính: Tây – Đông và Bắc – Nam. Vị trí này khiến cho nó trở thành vị trí tiền đồn để tiến tới các vùng khác trong nước và Đông Nam Á, là mục tiêu xâm lược đầu tiên của tất cả bọn xâm lược muốn bành trướng thế lực vào lãnh thổ Đông Nam Á. Nhưng cũng chính vị trí địa lí này tạo điều kiện cho cư dân có thuận lợi về giao lưu và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Về mặt địa hình, châu thổ Bắc Bộ là địa hình núi xen kẽ đồng bằng hoặc thung lũng, thấp và bằng phẳng, dốc thoải từ Tây Bắc xuống Đông Nam, từ độ cao 10 – 15m giảm dần đến độ cao mặt biển. Toàn vùng cũng như trong mỗi vùng, địa hình cao thấp không đều, tại vùng có địa hình cao vẫn có nơi thấp úng như Gia Lương (Bắc Ninh), có núi Thiên Thai...

Mặt khác, khí hậu vùng Bắc Bộ thật độc đáo, khác hẳn những đồng bằng khác. Đây là vùng duy nhất ở Việt Nam có một mùa đông thực sự với ba tháng có nhiệt độ trung bình dưới 18°C, do đó mà có dạng khí hậu bốn mùa với mỗi mùa tương đối rõ nét, khiến vùng này cấy được vụ lúa ít hơn các vùng khác. Hơn nữa, khí hậu vùng này lại rất thất thường, gió mùa đông bắc vừa lạnh vừa ẩm, rất khó chịu, gió mùa hè nóng và ẩm.

Một đặc điểm nữa là môi trường nước, đồng bằng Bắc Bộ có một mạng lưới sông ngòi khá dày, khoảng 0,5 – 1,0km/km<sup>2</sup>, gồm các dòng sông lớn như sông Hồng, sông Thái Bình, sông Mã, cùng các mương máng tưới tiêu dày đặc.

Môi trường xã hội:

Cư dân ở đồng bằng Bắc Bộ là cư dân sống với nghề trồng lúa nước, làm nông nghiệp một cách thuần túy. Biển và rừng bao bọc quanh đồng bằng Bắc Bộ nhưng từ trong tâm thức, người nông dân Việt Bắc Bộ là những cư dân “xa rừng nhạt biển”

Người nông dân Việt Bắc Bộ là người dân đồng bằng đắp đê lấn biển trồng lúa, làm muối và đánh cá ở ven biển. Hàng ngàn năm lịch sử, người nông dân Việt không có việc đánh cá được tổ chức một cách quy mô lớn, không có những đội tàu thuyền lớn

Trong khi đó, đất đai ở Bắc Bộ không phải là nhiều, dân cư lại đông. Vì thế, để tận dụng thời gian nhàn rỗi của vòng quay mùa vụ, người nông dân đã làm thêm nghề thủ công. Ở đồng bằng sông Hồng, trước đây, người ta đã từng đếm được hàng trăm nghề thủ công, có một số làng phát triển thành chuyên nghiệp với những người thợ có tay nghề cao. Một số nghề đã rất phát triển, có lịch sử phát triển lâu đời như nghề gốm, nghề dệt, luyện kim, đúc đồng v.v...

Mặt khác những người nông dân này lại sống quần tụ thành làng. Làng là đơn vị xã hội cơ sở của nông thôn Bắc Bộ, tế bào sống của xã hội Việt. Nó là kết quả của các công xã thị tộc nguyên thủy sang công xã nông thôn

Chính những đặc điểm ấy của làng Việt Bắc Bộ sẽ góp phần tạo ra những đặc điểm riêng của vùng văn hóa Bắc Bộ.

### **Câu 33: Đặc điểm vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ ?**

Trước tiên là sự ứng xử với thiên nhiên. Hàng ngàn năm lịch sử, người dân Việt đã chinh phục thiên nhiên, tạo nên một diện mạo, đồng bằng như ngày nay, bằng việc đào mương, đắp bờ, đắp đê

Ăn uống của cư dân Việt trên châu thổ Bắc Bộ vẫn như mô hình bữa ăn của người Việt trên các vùng đất khác: cơm + rau + cá, nhưng thành phần cá ở đây chủ yếu hướng tới các loại cá nước ngọt. Hải sản đánh bắt ở biển chủ yếu giới hạn ở các làng ven biển, còn các làng ở sâu trong đồng bằng, hải sản chưa phải là thức ăn chiếm ưu thế. Cư dân đô thị, nhất là Hà Nội, ít dùng đồ biển hơn cư dân ở các đô thị phía Nam như Huế, Nha Trang, Sài Gòn.

Cách mặc của người dân Bắc Bộ cũng là một sự lựa chọn, thích ứng với thiên nhiên châu thổ Bắc Bộ đó là màu nâu. Đàn ông với y phục đi làm là chiếc quần lá tọa, áo cánh màu nâu sồng. Đàn bà cũng chiếc váy thâm, chiếc áo nâu, khi đi làm. Ngày hội hè, lễ tết thì trang phục này có khác hơn: đàn bà với áo dài mớ ba mớ bảy, đàn ông với chiếc quần trắng, áo dài the, chít khăn đen. Ngày nay, y phục của người Việt Bắc Bộ đã có sự thay đổi khá nhiều...

Các di tích khảo cổ, các di sản văn hóa hữu thể tồn tại ở khắp các địa phương

Cùng với các di sản văn hóa hữu thể, các di sản văn hóa vô thể của đồng bằng Bắc Bộ cũng khá đa dạng và phong phú.

Kho tàng văn học dân gian Bắc Bộ có thể coi như một loại mỏ với nhiều khoáng sản quý hiếm. Từ thần thoại đến truyền thuyết, từ ca dao đến tục ngữ, từ truyện cười đến truyện trạng mỗi thể loại đều có một tầm dày dặn, mang nét riêng của Bắc Bộ, chẳng hạn truyện trạng ở Bắc Bộ như truyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn v.v... sử dụng các hình thức câu đố, câu đối, nói lái, chơi chữ nhiều hơn truyện trạng ở các vùng khác.

Đáng kể nhất là những sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cư dân Việt Bắc Bộ. Mọi tín ngưỡng của cư dân trồng lúa nước như thờ Thành hoàng, thờ Mẫu, thờ các ông tổ nghề v.v..., có mặt trên hầu khắp các làng quê Bắc Bộ

Đồng thời với đặc điểm Bắc Bộ là cội nguồn văn hóa của các vùng Trung Bộ, Nam Bộ, và từ vùng đất cội nguồn này, văn hóa Việt phát triển ở mọi vùng khác. Vai trò “hướng đạo” của vùng văn hóa Bắc Bộ cũng rất rõ, khi đặt trong tương quan với các vùng văn hóa khác.

Cuối cùng, đề cập đến vùng văn hóa Bắc Bộ là đề cập trên nét lớn, còn vùng văn hóa này có thể chia thành nhiều tiểu bang văn hóa khác nhau, tuy nhiên đặc thù của các tiểu vùng văn hóa này không làm phá vỡ những đặc điểm chung của toàn vùng.

==> Tóm lại, vùng châu thổ Bắc Bộ là vùng đất lịch sử lâu đời của người Việt, nơi khai sinh của các vương triều Đại Việt, đồng thời cũng là quê hương của các nền văn hóa Đông Sơn, Thăng Long – Hà Nội. Đây là cái nôi hình thành văn hóa, văn minh Việt từ buổi ban đầu và hiện tại cũng là vùng văn hóa bảo lưu được nhiều giá trị truyền thống hơn cả. Trên đường đi tới xây dựng một nền văn hóa hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc vùng văn hóa này vẫn có những tiềm năng nhất định.

### **Câu 34: Đặc điểm tự nhiên và xã hội của vùng văn hóa Trung Bộ ?**

Thứ nhất, địa hình miền Trung hẹp theo chiều ngang Đông Tây, nếu quay mặt về Đông thì trước mắt mỗi người dân Trung Bộ sẽ là Biển Đông, sau lưng là dãy Trường Sơn.

Thứ hai địa hình miền Trung Bộ chia cắt theo chiều dọc Bắc Nam, bởi các đèo là những dãy núi đồi tách từ Trường Sơn đâm ngang ra biển.

Dưới chân đèo là các sông lớn nhỏ, đều chảy ngang theo chiều Tây – Đông ra biển, sông ngắn, nước biếc xanh, ít phù sa, châu thổ hẹp, nhiều cửa sông sâu tạo thành các vịnh, cảng. Vận động tạo sơn còn “ném” ra biển xa các đảo và quần đảo.

Suốt dải đất miền Trung, đường bờ biển Việt Nam “ưỡn” cong, “lồi” ra phía sau Biển Đông, đành rằng hướng gió bão, sóng thần, nhưng luồng cá biển cũng chạy gần bờ hơn, so với miền Bắc. Sát bờ biển, từ Quảng Bình trở về Nam, Ngãi, Bình, Phú có các dải cồn cát chạy dọc dài Bắc Nam ghi dấu những đường biển cũ. Ở giữa các dải cồn cát là một vùng trũng nổi phân bố xóm làng và ruộng lúa ngày nay. Chân cồn là những bàu nước ngọt.

Thứ ba là khí hậu, miền Trung lại có mùa mưa lệch pha với hai đầu Bắc Nam đất nước, ở miền Trung, lại gặp gió Tây rất khô nóng, thổi từ Lào qua (xưa người dân gọi là gió Lào), tạo ra sự khô rang cho miền Trung, như Chế Lan Viên từng thốt lên chua xót

Chính những đặc điểm tự nhiên, xã hội, lịch sử này của Trung Bộ sẽ tạo cho vùng văn hóa Trung Bộ những đặc điểm riêng, so với các vùng văn hóa Việt Nam.

### **Câu 35: Trình bày nội dung đặc trưng Văn hóa Champa ?**

Từ thập kỉ 60 trở về trước, nhiều học giả phương Tây, đặc biệt G.Coedes, thường coi Chămpa là một quốc gia Ấn hóa. Sự thực, ảnh hưởng văn hóa – tôn giáo của Ấn Độ đối với Chămpa là rất mạnh mẽ và không ai phủ nhận được. Song học giả Paul Mus cũng đã nhận ra nhiều nét bản địa – tiền Ấn Độ hóa trong văn hóa Chămpa. Trong quá trình tiếp thu văn hóa Ấn Độ, người Chămpa đã kết hợp hài hòa giữa yếu tố văn hóa địa phương (nội sinh) và văn hóa bên ngoài (ngoại sinh) trên cơ sở môi trường tự nhiên và tâm lí dân tộc để sáng tạo ra nền văn hóa của mình có những nét chung, song có nhiều nét riêng so với những văn hóa láng giềng khác ở Đông Nam Á cũng tiếp thu ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ.

### **Câu 36: Nội dung văn hóa Óc eo ?**

Óc Eo là tên một di tích khảo cổ học ở cánh đồng Giồng Cát – Giồng Xoài tiếp giáp về phía Đông và Đông Nam núi Ba Thê, nay thuộc xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Mùa xuân năm 1944 nhà khảo cổ học Pháp L. Malleret đã tiến hành khai quật ở đây. Từ sau cuộc khai quật này bắt đầu xuất hiện khái niệm văn hóa Óc Eo.

Cư dân Óc Eo cư trú trên một địa bàn rộng lớn, ở nhiều tiểu vùng sinh thái khác nhau và ở mỗi tiểu vùng này có những đặc trưng riêng về xây cất nhà ở, đền tháp, cách thức làm ăn, đi lại.

Địa bàn sinh tụ của cư dân văn hóa Óc Eo rất rộng lớn, họ giỏi thích ứng với những hoàn cảnh sinh thái khác nhau để tạo lập cuộc sống ổn định và xây dựng, phát triển kinh tế - văn hóa đặc sắc của mình. Các nhà khảo cổ đã tìm được hàng loạt di tích, di vật nói lên trình độ phát triển cao, quy mô rộng lớn và rất đa dạng của công việc xây dựng thời Óc Eo. Người Óc Eo ở nhà đất và nhà sàn, phổ biến là nhà sàn.

Người Óc Eo trồng trọt trên nhiều loại thổ nhưỡng khác nhau, chủ yếu là trồng lúa. Lúa có nhiều loại khác nhau, có loại lúa hạt tròn, lúa bản địa, có loại lúa hạt dài – lúa ngoại nhập, có loại lúa hoang dại. Lúa được gieo cấy ở ruộng rẫy hay ruộng trũng.

Ngoài các hoạt động sản xuất, hoạt động trao đổi buôn bán cũng khá phát triển ở cư dân Óc Eo. Khảo sát các di tích, các nhà khoa học đã cho biết có nhiều đồng tiền vàng, đồng, thiếc (có những đồng được cắt đôi, cắt tư, cắt tám để làm tiền lẻ) đã được tìm thấy.

### **Câu 37: Bối cảnh lịch sử văn hóa Việt Nam thời Tự chủ ?**

Thời tự chủ của quốc gia Đại Việt kéo dài suốt gần một thiên niên kỉ, từ năm 938 cho đến năm 1858. Giai đoạn này có nhiều biến đổi tự thân trong nội bộ quốc gia, dân tộc, đồng thời cũng lại là thời kì có biến đổi nhiều từ ngoại cảnh.

Sau chiến thắng Bạch Đằng, Đại Việt bước vào thời kì xây dựng quốc gia độc lập. Mở đầu là nhà Ngô, năm 939, Ngô Quyền không xưng là Tiết độ sứ nữa mà xưng là Ngô Vương và định đô ở Cổ Loa.

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn tan 12 sứ quân, thu giang sơn về một mối, đặt kinh đô ở Hoa Lư, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, xây dựng quốc gia, củng cố chính quyền.

Năm 981, Lê Hoàn kế thừa quốc gia của nhà Đinh lập ra nhà Tiền Lê.

Năm 1010, nhà Lý lên ngôi, dời đô về Đại La, đổi tên thành này là thành Thăng Long

Năm 1054, đổi tên nước là Đại Việt. Năm 1226, nhà Trần thay nhà Lý.

Năm 1400, nhà Hồ thay thế nhà Trần để rồi đất nước Đại Việt rơi vào tay quân xâm lược nhà Minh.

Năm 1428, sau một thời gian dài kháng chiến, Lê Lợi giành lại độc lập cho đất nước, lên ngôi vua, lập ra nhà Lê.

Năm 1527, nhà Mạc giành ngôi của nhà Lê, sau đó là thời kì Nam Bắc triều và xung đột Lê-Mạc.

Từ năm 1570 đến năm 1786, Đàng Trong và Đàng Ngoài xung đột, giữa một bên là nhà Lê – Trịnh và một bên là chúa Nguyễn.

Năm 1771, anh em Tây Sơn khởi nghĩa, lập lại nền thống nhất đất nước vào năm 1786.

Năm 1802, nhà Nguyễn thống thế, đặt nền cai trị của mình trên toàn bộ đất nước

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam.

Như vậy, diễn trình lịch sử của Việt Nam từ năm 938 đến năm 1858 diễn ra với những đặc điểm sau:

Các vương triều liên tục thay thế nhau xây dựng một quốc gia tự chủ. Sự thay thế các vương triều không làm đứt đoạn lịch sử mà vẫn khiến cho lịch sử là một dòng chảy liên tục.

Đất nước được mở rộng dần về phương Nam, đến giữa thế kỉ XVIII, việc khai phá miền Nam Bộ đã cơ bản hoàn thành. Sau năm 1786 và năm 1802, đất nước Việt Nam đã có một lãnh thổ thống nhất từ Mực Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Mặt khác, thời kì này cũng có khá nhiều biến đổi từ ngoại cảnh, chủ yếu là các cuộc xâm lược liên tiếp của phong kiến phương Bắc và những cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước của cư dân Việt.

Như thế, liên tục chống xâm lược là một nét đặc biệt của lịch sử Việt Nam thời tự chủ. Người dân cũng như các vương triều đều phải tiến hành cuộc chiến đấu tự bảo vệ mình và cộng đồng. Đó là thời kì lịch sử biến động dữ dội, đầy bão táp. Bọn xâm lược, dù được màu áo của vương triều nào, dù đến từ chân trời nào đều có chung một ý tưởng: hủy hoại nền văn hóa của cộng đồng cư dân bị chúng xâm lược. Thế nhưng, người dân Việt mỗi lần bị xâm lăng là một lần trỗi dậy, chứng tỏ lòng yêu nước bất khuất của mình. Văn hóa Việt lại trỗi dậy, vươn lên, đạt đến những đỉnh cao. Do đó, khi nhìn nhận văn hóa Việt Nam thời tự chủ, các nhà nghiên cứu thường khẳng định rằng có ba lần phục hưng văn hóa dân tộc:

Lần thứ nhất vào thời Lý-Trần. Sự phục hưng này diễn ra sau khi đất nước được giải phóng khỏi ách Bắc thuộc.

Lần thứ hai vào thế kỉ XV, sau khi giặc ngoại xâm bị quét sạch ra khỏi bờ cõi, thì văn hóa dân tộc bước vào thời kì phục hưng từ đời Lê Thái Tổ đến đời Lê Thánh Tông.

Lần thứ ba vào cuối thế kỉ XVIII, một lần nữa văn hóa dân tộc lại có sự phục hưng mãnh liệt. Mỗi lần phục hưng văn hóa dân tộc như thế, văn hóa Việt Nam lại có những thay đổi cả về lượng lẫn về chất, mà chúng ta chỉ có thể nhìn rõ khi xem xét từng giai đoạn văn hóa.

### **Câu 38: Đặc trưng văn hóa Việt Nam giai đoạn từ năm 1858 đến năm 1945 ?**

Giai đoạn này có hai đặc trưng văn hóa lớn:

Tiếp xúc cưỡng bức và giao thoa văn hóa Việt-Pháp

Giao lưu văn hóa tự nhiên Việt Nam với thế giới Đông Tây.

### **Câu 39: Trình bày nội dung của : Sự phát triển nền văn hóa nghệ thuật chuyên nghiệp ?**

Điều dễ nhận thấy của văn hóa Việt Nam từ năm 1945 đến nay là sự phát triển của văn hóa chuyên nghiệp, chuyên nghiệp hóa hoạt động văn hóa. Sự phát triển này ngày càng khẳng định rõ hơn bản sắc văn hóa dân tộc, cũng khẳng định sự tiếp cận với xu thế hiện đại của thời đại.

Ngay sau khi hòa bình lập lại, lực lượng hoạt động văn hóa nghệ thuật chuyên nghiệp được tổ chức lại. Các đoàn nghệ thuật như kịch nói Hà Nội, kịch nói Quân đội, kịch nói Nam Bộ, Đoàn Ca múa nhạc Trung ương... các thể loại như nhạc, kịch hát, thơ múa, kịch múa, các thể loại âm nhạc thính phòng tiếp thu từ tinh hoa văn hóa bác học thế giới là những thể loại đòi hỏi phải có kiến thức phong phú, trình độ kĩ thuật nghiệp vụ cao (cả về sáng tác lẫn biểu diễn), đã phát triển.

Cùng với điện ảnh là nghệ thuật sân khấu, tạo hình, tất cả đều rất phát triển.



Đáng kể hơn cả là sự phát triển của văn học. Trong lịch sử văn học dân tộc, chưa bao giờ đội ngũ sáng tác văn học lại đông đảo như hiện tại, và có nhiều tác phẩm như thời gian từ 1945 đến nay. Sự trong sáng về ngôn ngữ, sự đa dạng về chủ đề, sự phong phú về sáng tác, thể loại đã khiến cho nền văn học hiện đại xứng đáng với đánh giá của Đại hội đại biểu lần thứ tư của Đảng Cộng sản Việt Nam: đứng vào hàng tiên phong của văn học các dân tộc bị áp bức, đấu tranh giải phóng dân tộc.

==> Có được những thành tựu ấy chính là nhờ sự phát triển cả về chất lượng và số lượng của đội ngũ hoạt động văn hóa chuyên nghiệp. Trình độ dân trí được nâng cao, khiến cho chủ/khách thể của văn hóa Việt Nam thay đổi. Nhiều nhà hoạt động văn hóa sinh ra và trưởng thành từ đội ngũ những người lao động.

#### **Câu 40 : Đặc điểm chung của vùng văn hóa Trung Bộ ?**

Khác với Nam Bộ được khai phá muộn hơn, khác với Bắc Bộ là địa bàn tụ cư và khai thác lâu đời của người Việt, vùng Trung Bộ một thời kì dài thuộc các tiểu quốc của vương quốc Chăm-pa, trước khi người Việt vào nơi này. Nền văn hóa Chăm-pa một thời rạng rỡ, như một ánh hào quang hắt lên mặt nước trong buổi chiều tà. Vì vậy, đặc điểm thứ nhất của vùng văn hoá Trung Bộ phải là một vùng đất chứa nhiều dấu tích văn hóa Chăm-pa.

Cùng các di sản văn hóa hữu thể, vùng Trung Bộ còn khá nhiều các di sản văn hóa vô thể của văn hóa Chăm-pa. Đó là các địa danh Việt mà chúng ta có quyền ngờ rằng, gốc tích của nó phải là các địa danh Chăm, kiểu như Cồn Ràng, Cồn Lồi, Cồn Mọi. Đó là các tín ngưỡng dân gian của người Chăm như thờ bà mẹ xứ sở, thờ cá voi, thờ thần biển v.v...

Mặt khác, Trung Bộ là vùng đất được người Việt khai phá theo kiểu tiệm tiến. Sự cộng cư với người Chăm, thái độ ứng xử với những vốn văn hóa hiện diện trên mặt đất tàng ẩn dưới lòng đất theo bản chất hiền hòa của người Việt, tạo cho sự giao lưu văn hóa ở đây có những điểm khác biệt.

Tiêu biểu cho quá trình tiếp biến văn hóa ở Trung Bộ của người Việt là tiếp thu tín ngưỡng thờ bà mẹ xứ sở (Po Yan Ina Nagar) của người Chăm. Với tín ngưỡng thờ Mẫu ẩn trong tâm thức, khi vào Trung Bộ, người Việt gặp tín ngưỡng này của người Chăm, họ đã tiếp thu các nữ thần Chăm và chuyển hóa thành các nữ thần Việt Nữ thần Mụjuk của người Chăm được biến thành bà Chúa Ngọc.

So với thiên nhiên Bắc Bộ và Nam Bộ, Trung Bộ là vùng đệm, mang tính chất trung gian. Vì thế, sự phản ánh thiên nhiên đa dạng của một vùng đất là đặc điểm thứ ba của vùng văn hóa này.

Trong văn hóa đời thường, bữa ăn của cư dân Việt Trung Bộ đã bắt đầu có sự thay đổi, nghiêng về các hải sản, đồ biển. Nói cách khác, yếu tố biển đã đậm đà hơn trong cơ cấu bữa ăn của cư dân ở đây.

Mặt khác, người dân Việt Trung Bộ, do tính chất khí hậu, nói rộng hơn là điều kiện tự nhiên chi phối, nên sử dụng nhiều chất cay trong bữa ăn. Tóm lại, vùng văn hóa Trung Bộ có những đặc điểm riêng của mình, khi đặt trong tương quan với các vùng văn hóa khác.

#### **Câu 41: Phân tích những đặc điểm của vùng văn hóa xứ Huế ?**

Thiên nhiên đã tạo cho xứ Huế có một diện mạo riêng. Đó là một vùng Huế núi đồi mà nhà Nguyễn cùng sức muôn dân đã tạo ra một khu lăng tẩm đế vương. Đó là một vùng Huế cồn bãi đôi bờ Hương Giang cùng các nhánh sông Bạch Yến, An Cựu, Kim Long (nay đã bị lấp nhiều).

Nói tới xứ Huế là nói tới một hệ kinh thành còn giữ được tương đối hoàn chỉnh với hoàng thành, từ cấm thành, điện Thái Hòa, Long An, Ngọ Môn v.v..., đồng thời cũng nói tới hệ lăng tẩm với những lăng Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức v.v..., và cũng nói tới một hệ chùa – đền như tháp Thiên Mụ, điện Hòn

Chén, chùa Từ Đàm, Túy Vân, Diệu Đế. Tất cả những di sản văn hóa vật thể này thể hiện một phong cách kiến trúc của xứ Huế vừa đa dạng vừa giàu có, thích ứng một cách kì lạ với thiên nhiên thơ mộng ở đây

Cùng với các di sản văn hóa hữu thể, văn hóa vô thể xứ Huế là một kho tàng phong phú và quý giá. Trước hết là nghệ thuật biểu diễn: những điệu hò, điệu hát lí, hát trò, hát sắc bùa, những bài ca trên sông nước Hương Giang. Nét độc đáo của dân ca xứ Huế là âm sắc, ngữ âm địa phương, không lẫn với vùng nào trên đất nước ta, đồng thời ảnh hưởng của dân ca, âm nhạc Chămpa đối với dân ca xứ Huế là điều không thể phủ nhận.

Sau nữa, lễ hội dân gian xứ Huế, vừa giống vừa khác với lễ hội dân gian ở đồng bằng Bắc Bộ, ở lễ hội dân gian gắn với tục thờ cúng cá voi, sự tiếp thu tín ngưỡng thờ cá voi của người Chăm rất rõ nét. Lễ hội điện Hòn Chén, mang tính chất chung của lễ hội gắn với tục thờ Mẫu, nhưng lại có nét riêng do việc người Việt tiếp nhận tục thờ nữ thần bà mẹ xứ sở của người Chăm.

Đặc biệt, cần thấy rằng, nếu không tính từ thời chúa Nguyễn, chỉ tính riêng thời nhà Nguyễn 1802– 1945, Huế còn là trung tâm thu hút nhân tài của mọi miền đất nước, cũng như là trung tâm giáo dục của nhà Nguyễn, trung tâm sinh hoạt văn hóa, văn học

#### **Câu 42: Đặc điểm tự nhiên và xã hội của vùng Văn Hóa Tây Nguyên ?**

Tây Nguyên, như quen gọi, bao gồm lãnh thổ của bốn tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc, Lâm Đồng, nằm gọn trên vùng núi non và cao nguyên phía Tây Trung Bộ. Ở đây tập trung gần hai chục dân tộc.

Dân tộc lâu đời ở đây thuộc về hai nhóm ngôn ngữ chủ yếu: Nhóm Môn–khme và Nhóm Mã Lai – Đa Đảo.

Mùa lễ hội Tây Nguyên kéo dài suốt mấy tháng 1, 2, 3 dương lịch. Hầu như không gian không mấy lúc vắng tiếng chiêng cồng “Ninh Nong! Ninh Nong!”. Có lẽ vì vậy hai từ tượng thanh này được dùng để chỉ những tháng hoạt động văn hóa dân tộc với mật độ cao: “Tháng Ninh Nong (Khei Ninh Nong, tiếng Bana).

Điều đặc biệt là trong mọi hoạt động văn hóa, phong tục ấy, đồng bào quan niệm rằng luôn luôn có sự tham gia của linh hồn những người đã mất. Đối với nhiều dân tộc Tây Nguyên (Bana, Giarai, Romăm, Xơđăng, Giẻ (Triêng), cộng đồng công xã có hai phần: cộng đồng hôm nay bao gồm những người đang sống và cộng đồng hôm qua của những người đã chết. Người sống ở trong làng, người chết ở cõi tổ tiên (Mang Lung) một nơi nào đó ngay trên mặt đất, về phía Tây của làng

#### **Câu 43: Đặc điểm môi trường tự nhiên và xã hội vùng văn hóa Nam Bộ ?**

Nam Bộ hôm nay là địa bàn thuộc lãnh thổ của các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc miền Đông Nam Bộ và các tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau thuộc miền Tây Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh.

Phần đất được coi là Đông Nam Bộ có diện tích khoảng 26000km<sup>2</sup> bao gồm phần đất đồi núi thấp (phần rìa của cao nguyên đất đỏ) và phần thềm phù sa cổ thuộc lưu vực sông Đồng Nai.

Phần đất được coi là Tây Nam Bộ có diện tích khoảng hơn 4000km<sup>2</sup>, chủ yếu là đồng bằng sông Cửu Long, cùng một vài dãy núi thấp ở miền Tây An Giang, Kiên Giang.

Về vị trí địa lí, Nam Bộ là vùng đất nằm ở cuối cùng đất nước về phía Nam, trọn vẹn trong lưu vực của hai dòng sông Đồng Nai và Cửu Long, mà lại là phần hạ lưu của hai dòng sông. Trong khi đó, Nam Bộ lại gần Biển Đông. Nói khác đi, đây là vùng đất cửa sông giáp biển. Vị thế địa – văn hóa này của Nam Bộ tạo cho nó có những đặc điểm văn hóa riêng.

Khí hậu Nam Bộ khác hẳn khí hậu Bắc Bộ ở chỗ Nam Bộ chỉ có hai mùa: mùa khô và mùa mưa, vào một năm.

Nói tới Nam Bộ là người ta nghĩ đến một cánh đồng tít tắp tận chân trời, một khung cảnh thiên nhiên khoáng đạt và vùng đất với chằng chịt kênh rạch.

Tiến trình lịch sử Nam Bộ, lại có đặc điểm riêng. Quá trình khai phá nơi này, từ cuối thế kỉ XVI cho đến năm 1862, thực ra so với lịch sử chưa được là bao. Làng xã, cũng như nhiều phương diện khác nhau, chưa ổn định thì năm 1862 Nam Bộ lại là nơi đầu tiên chịu ảnh hưởng thống trị của người Pháp, với tư cách là vùng thuộc địa của thực dân Pháp. Cuộc tiếp xúc giữa hai nền văn hóa Việt – Pháp diễn ra ở Nam Bộ trong hoàn cảnh đặc biệt. Nền văn hóa Pháp, vốn có nhiều nét khác biệt so với nền văn hóa Việt, cũng như của các tộc người khác ở đây Nam Bộ trở thành thuộc địa của người Pháp cho đến năm 1945. Từ năm 1945 đến năm 1975, Nam Bộ bước vào cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hết Pháp rồi lại Mỹ.

Sau năm 1975, đất nước thống nhất, Nam Bộ trở thành nơi đi trước về sau, như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc là như thế.

Với tất cả những đặc điểm có tính chất tiêu biểu về tự nhiên, lịch sử, xã hội, như vậy, văn hóa Nam Bộ tất sẽ có những đặc điểm riêng.

#### **Câu 44: Trình bày nội dung của Kế thừa và nâng cao các giá trị văn hóa truyền thống ?**

Từ quan điểm về văn hóa, những năm qua, Đảng, Nhà nước ta rất chú trọng khai thác các giá trị văn hóa truyền thống. Chưa bao giờ trong diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam, văn hóa truyền thống lại được chú trọng kế thừa, phát huy một cách sâu sắc như vậy. Ngay từ năm 1946, Hồ Chí Minh đã phát biểu trong Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất: “phải biết tiếp thu những kinh nghiệm quý báu của nền văn hóa xưa và nay để xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam với ba tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”.

Với văn hóa bác học, công việc nghiên cứu đã đạt được những thành tựu đáng kể, nhiều tác giả của văn học cổ được nghiên cứu, đánh giá, khẳng định như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu v. v... Hầu hết tác phẩm, tác giả của văn học dân tộc đã được giới thiệu, nghiên cứu có lẽ chỉ dưới ánh sáng của thời đại mới, văn học truyền thống mới được chỉ ra một cách đầy đủ các giá trị của nó.

Vì thế, việc kế thừa phát huy các giá trị văn hóa mới và kết quả của công việc không chỉ là bảo lưu, gìn giữ văn hóa dân gian, truyền thống, mà còn góp phần không nhỏ vào sự phát triển của văn hóa chuyên nghiệp, đồng thời chứng tỏ sự thống nhất của văn hóa các dân tộc ở Việt Nam.

#### **Câu 45. Nêu phạm vi ngữ nghĩa của từ "văn hóa"**

Ngữ nghĩa của từ văn hóa:

- Văn hóa là khái niệm chỉ khía cạnh tinh thần.
- Văn hóa dân tộc là những thành tựu vật chất và tinh thần của một dân tộc
- Văn hóa là học vấn và tri thức của một con người.
- Văn hóa còn là cách ứng xử thể hiện sự hiểu biết và cách nhận thức cao.

**Câu 46 : Vì sao ý thức giữ gìn môi trường của người phương Tây cao hơn người phương Đông chúng ta?**

- Do các nước phương Đông phát triển thu kém phương Tây về mặt vật chất. Đa phần các nước phương Đông là những nước đang phát triển, đời sống còn nhiều khó khăn nên dẫn đến ý thức bảo vệ môi trường kém.

- Người phương Đông xem mục tiêu phát triển đời sống vật chất là số một nên hủy hoại thiên nhiên vì lợi ích cá nhân

VD: các hành vi đốt rừng phòng hộ, săn bắt động vật rừng quý hiếm vv...

- Đối với người phương Tây thì môi trường là yếu tố quyết định sự sống còn nên họ có ý thức bảo vệ môi trường rất nghiêm ngặt, ý thức của họ về môi trường rất cao,

- Người phương Đông cho rằng mình có khả năng hòa hợp với môi trường tự nhiên nên cứ tàn phá mà không nghĩ đến hậu quả về sau.

- Pháp luật phương Đông chưa xử lý nghiêm các hình thức phá hoại môi trường.

#### **Câu 47: Tại sao ở Việt Nam lại mang nặng tâm lý trọng nam khinh nữ trong khi cách ứng xử của văn hóa nông nghiệp là trọng phụ nữ?**

- Truyền thống Việt Nam thì yếu tố xem trọng phụ nữ thể hiện rất rõ nét:

+ Phụ nữ cai quản kinh tế, tài chính trong gia đình, giáo dục con cái.

+ Vùng nông nghiệp ĐNA được phương Tây gọi là xứ sở mẫu hệ, điều này còn thể hiện rõ ở chế độ mẫu hệ của các dân tộc ít người như Ede, Giarai ngày nay..

- Tư tưởng coi thường phụ nữ vốn là do Trung Hoa truyền vào nước ta trong giai đoạn Bắc thuộc.

- Nước ta mới thoát khỏi thời đại phong kiến chưa lâu nên quan niệm này còn chậm thay đổi.

#### **Câu 48: Căn dựa vào những đặc điểm nào về đặc trưng kinh tế để định vị văn hóa Việt Nam? Tại sao?**

- Xem xét loại hình kinh tế và phương thức làm ăn sinh sống cụ thể được mỗi dân tộc lựa chọn và áp dụng trong quá khứ cũng như ở hiện tại ra sao. Chúng đã tạo ra những đặc trưng văn hóa nào?

- Hình thức lao động, sản xuất truyền thống: nông nghiệp trồng lúa nước. Quá trình chinh phục đồng bằng châu thổ, đắp đê, điều tiết nước để sản xuất và hợp lực chống lũ lụt, người Việt cần tới sức mạnh cộng đồng.

- Người nông dân Việt không quen hạch toán và lường tính xa, thiếu tính kỉ luật và không chịu áp lực cao trong công việc.

#### **Câu 49: Việt Nam thời kì tiền sử và sơ sử có những nền văn hóa cổ nào? Cho biết về sự phân bố địa lí của các nền văn hóa cổ ấy.**

- Có 3 nền văn hóa cổ:

+ Văn hóa Đông Sơn: hình thành trực tiếp từ 3 nền văn hóa: sông Hồng, sông Mã, sông Cả (Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun), thuộc giai đoạn đồng thau. Tính thống nhất văn hóa được thể hiện từ một vùng rộng lớn từ bờ sông Gianh đến Quảng Bình.

+ Văn hóa Sa Huỳnh: từ Đèo Ngang đến Đồng Nai (gọi tên theo một đặc điểm khảo cổ học ven biển thuộc tỉnh Quảng Ngãi), chủ nhân là người tiền Mã lai, mang nhiều yếu tố Nam Á.

+ Văn hóa Đồng Nai phân bố ở Đông Nam Bộ.

**Câu 50: Kể tên các cuộc chiến chống xâm lược Việt Nam thời phong kiến tự chủ.**

Những cuộc chiến chống ngoại xâm: chống Tống (981 - 1077), Nguyên Mông (1258 - 1288), Minh (1406 - 1428), Xiêm (1784), Thanh (1788).

- Đây là thời kì lịch sử có nhiều biến động của chiến tranh xâm lược và phong trào nông dân nổi dậy ở khắp nơi.

**Câu 51: Tại sao nói văn hóa Việt Nam cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20 là một sự đứt gãy lịch sử chưa từng có.**

Văn hóa Việt Nam cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20 là sự đứt gãy lịch sử chưa từng có, bởi vì:

- Bối cảnh lịch sử rất nhiều biến động:

+ Pháp xâm lược Việt Nam (1858), chiếm Gia Định (1862), chiếm 6 tỉnh miền Tây (1867), Hà Nội (1882), Huế (1883).

+ Pháp tiến hành khai thác thuộc địa, buộc nhà Nguyễn kí hiệp ước đầu hàng. Nhiều nhà yêu nước lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống Pháp.

+ Thời kì hình thành 3 tư tưởng: chống Pháp, theo Pháp, tiếp thu có chọn lọc văn hóa Pháp.

--> Văn hóa tiếp biến và xoay chuyển theo chiều hướng dân tộc, tư tưởng đề cao tinh thần dân tộc, chống ngoại xâm.

- Đặc trưng văn hóa thời kì này có rất nhiều sự thay đổi:

+ Văn hóa vật chất: Pháp xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc cai trị là chính. Xây dựng các tỉnh lộ, đường sắt, đô thị công nghiệp, kiến trúc phục vụ hành chính (trường học, viện bảo tàng, thư viện..)

+ Văn hóa tinh thần:

\* Báo chí thời Pháp phát triển rất mạnh (tiếng Pháp, chữ Hán, chữ Quốc Ngữ, Chữ Hán..).

\*( Văn học có bước chuyển mình rất mạnh "một năm ở ta bằng 30 năm ở người". Văn học phát triển cả về hình thức và nội dung, trong 30 năm đã đạt được những thành tựu rất lớn.

\* Tiểu thuyết là một thể loại mới vào thời kì này.

\* Văn học khẳng định cái tôi cá nhân và xuất hiện nhiều thế hệ những cây bút hùng hậu (Nguyễn Khuyến, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Tản Đà, Trương Vĩnh Ký, Tự Lực văn đoàn..). Văn học Việt Nam đã phát triển gần hơn với văn học hiện đại.

- Văn hóa Việt Nam có sự chuyển biến ghê gớm chưa đầy 100 năm (ăn mặc, giáo dục, văn học...), hòa nhập với thế giới hiện đại.

- Song song với sự phát triển ấy thì nhân dân ta vẫn giữ gìn và bảo tồn những bản sắc văn hóa dân tộc, đó chính là sự tiếp biến văn hóa.

- Sự đứt gãy như là sự tiếp nối, phát triển văn hóa thời kì trước lên một tầm cao mới hơn.

**Câu 51: Kể tên một vài công trình kiến trúc thời Pháp còn tồn tại ở Việt Nam hiện nay.**

- Ở Hà Nội:

+ Tòa Án nhân dân tối cao: Một công trình gây ấn tượng ở tỉ lệ hài hòa giữa kiến trúc cổ điển Châu Âu và vẻ quý phái, sang trọng.

+ Phủ Chủ tịch: Phủ Toàn Quyền (nay là Phủ Chủ tịch) xây dựng năm 1902. Công trình mang phong cách cổ điển Châu Âu do Kiến trúc sư Vildieu thiết kế, xây dựng mất hơn 5 năm.

+ Nhà thờ lớn Hà Nội: Nguyên thủy, nhà thờ này có tên là Nhà thờ Thánh Giuse (Saint Joseph) do vào năm 1678, Giáo hoàng Innocentius XI tôn phong Thánh Joseph (cha nuôi của Chúa Jesus) làm Thánh Bảo trợ nước Việt Nam và các nước lân cận.

+ Ga Hà Nội

+ Chợ Đồng Xuân

+ Cầu Long Biên

- Ở TP. Hồ Chí Minh:

+ Nhà hát Lớn: Nhà hát lớn TP HCM tọa lạc trên đường Đồng Khởi, bên cạnh là hai khách sạn lớn Caravelle và Continental. Đây là một trong những nhà hát đầu tiên và lâu đời nhất ở Việt Nam. Công trình do người Pháp xây dựng hoàn tất vào ngày 17/1/1900 và được xem như một địa điểm du lịch của thành phố.

+ Nhà thờ Đức Bà: Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, tên đầy đủ là Vương cung thánh đường Chính tòa Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội, là nhà thờ lớn nhất và đặc sắc nhất tại Sài Gòn, với 2 tháp chuông cao 60 mét, tọa lạc tại trung tâm thành phố (Số 1 Công trường Công xã Paris, Quận 1).

+ Trụ sở UBND TP HCM Trụ sở UBND TP HCM hiện nay là tòa nhà được người Pháp xây dựng trong khoảng thời gian từ 1886 - 1981, có phong cách kiến trúc Gothique độc đáo, có nhiều đặc trưng của phong cách kiến trúc châu Âu và châu Á quyện vào nhau theo đồ án thiết kế của Kiến trúc sư Villedieu và phụ tá Foulhoux

+ Trụ sở UBND TP HCM Trụ sở UBND TP HCM nằm trên một khu đất rộng giới hạn bởi đường Pasteur (phía tây), Lý Tự Trọng (phía bắc), Đồng Khởi (phía đông) và Lê Thánh Tôn (phía nam). Thời Pháp thuộc, nơi đây có các tên gọi là dinh Xã Tây, dinh Đốc Lý, là trụ sở làm việc của Hội đồng thành phố. Về sau được đổi tên là Tòa thị sảnh. Giai đoạn từ năm 1954 - 1975, gọi là Tòa đô chính Sài Gòn. Sau 30/4/1975 cho đến nay là trụ sở của UBND TP.HCM.

**Câu 52: Kể tên một vài tác giả và tác phẩm được coi là sự chuyển giao giữa văn học Việt Nam trung đại và hiện đại.**

Văn học Việt Nam có sự chuyển giao mạnh nhất là vào những năm 1900 - 1930, có thể kể ra một vài tác giả và tác phẩm tiêu biểu như:

- Các tác phẩm của những nhà Nho yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

- Các tác giả Nam bộ như Trần Thiên Trung (Hoàng Tố Anh hàm oan), Nguyễn Chánh Sắt (Nghĩa hiệp kì duyên), Tân Dân Tử (Giọt máu chung tình), đặc biệt là Hồ Biểu Chánh, đều bị chi phối bởi khuynh hướng đạo lí.

- Kịch là một loại hình nghệ thuật sân khấu rất mới, có giá trị văn học, chỉ xuất hiện từ khi có sự du nhập của nền văn hóa phương Tây. Một số tác giả tiêu biểu thời này như Vũ Đình Long, Nam Xương đã dùng thể loại hoàn toàn mới mẻ này để phản ánh hiện thực xã hội đương thời.
- Sự kết hợp hai yếu tố cũ và mới trong cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật là hiện tượng phổ biến nhất trong văn học giai đoạn đầu thế kỉ XX. “Tổ Tâm” của Hoàng Ngọc Phách là một tác phẩm tiêu biểu mang nhiều yếu tố pha tạp hai giá trị truyền thống và hiện đại.
- Nhìn chung, văn học giai đoạn này còn rất nhiều tác phẩm, tác giả có sự kết hợp như trên, tạo nên những giá trị văn học có tính chất trung gian giữa truyền thống và hiện đại. Truyện ngắn của Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn, Hồ Biểu Chánh, thơ văn Tản Đà, Trần Tuấn Khải... Người viết chỉ nêu một số trường hợp tiêu biểu để chứng minh văn học giai đoạn đầu thế kỉ XX là dấu nối giữa hai nền văn học cũ và mới. Dấu nối đó được tạo nên bằng sự lấp ghép, pha tạp các yếu tố cũ và mới trong nghệ thuật lẫn nội dung.

**Câu 53: Kể tên một vài tín ngưỡng của người Việt cổ, Trình bày hiểu biết của anh/ chị về một trong số những tín ngưỡng ấy**

- Tín ngưỡng phồn thực:
  - + Việc thờ cơ quan sinh dục nam nữ còn được gọi là thờ sinh thực khí (sinh= đê, thực= nảy nở, khí= công cụ). Đây là hình thái đơn giản của tín ngưỡng phồn thực, nó phổ biến ở các nền văn hóa nông nghiệp.
  - + Bên cạnh thờ sinh thực khí (= yếu tố), cư dân trồng lúa nước còn có tục thờ hành vi giao phối, tạo nên tính ngưỡng phồn thực độc đáo, phổ biến ở khu vực Đông Nam Á.
  - + Tín ngưỡng phồn thực có vai trò lớn trong sự hình thành đời sống tín ngưỡng thời cổ của người Việt, tiêu biểu qua biểu tượng trống Đồng.
- Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên:
  - + Sùng bái tự nhiên là giai đoạn tất yếu trong quá trình phát triển của người Việt cổ. Tín ngưỡng của người Việt là tín ngưỡng đa thần. Hình tượng nữ thần là các bà, các mẹ là hình tượng tiêu biểu.
  - + Tục thờ Bà Trời, Bà Đất, Bà Nước, những nữ thần cai quản hiện tượng tự nhiên, thiết thân nhất với cuộc sống của người trồng lúa nước
  - + Trong mảng tín ngưỡng sùng bái tự nhiên còn có tục thờ Động Vật (chim, rắn, cá sấu) và Thực Vật (cây lúa, cây cau, cây đa, quả bầu).
- Tín ngưỡng sùng bái con người:
  - + Trong con người có cái vật chất và cái tinh thần, cái tinh thần trừ tượng, khó nắm bắt nên được thần thánh hóa thành khái niệm linh hồn (hồn và vía).
  - + Niềm tin về người chết đã hình thành tục thờ cúng tổ tiên.
  - + Người Việt còn có tục thờ Thổ Công
  - + Thờ thần hoàng làng, thờ quốc tổ và thờ thánh, thờ tứ bất tử vv...